TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29-01-2019
V/v "Tranh chấp ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Kim Thành
2. Bà Trần Thị Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GD tham gia phiên tòa: Ông Dương Nguyên Khang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện GD, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 828/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2018 về "Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị B Tr, sinh năm: 1992, (có mặt),

Địa chỉ: Tổ 14, ấp 1, xã BĐ, huyện GD, tỉnh TN;

Tạm trú: Ấp 5, xã BĐ, huyện GD, tỉnh TN.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn C T, sinh năm: 1989, (vắng mặt),

Địa chỉ: Tổ 14, ấp 1, xã BĐ, huyện GD, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10-12-2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị B Tr trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn C T tự nguyện tổ chức lễ cưới với nhau vào năm 2009, có tìm hiểu trước, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BĐ, huyện GD. Ngày cưới bên chồng có cho 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24k, 01 sợi dây chuyền hơn 01 chỉ vàng 18k, số vàng này vợ chồng đã bán trả nợ hết. Cưới xong vợ chồng sống chung hà cha mẹ chị tại PC, TB, đến năm 2013 vợ chồng về sống chung nhà cha mẹ chồng tại ấp 1, xã BĐ, huyện GD cho đến nay. Vợ chồng sống đến tháng 4 năm 2018 xảy ra mâu thuẫn, do anh T không lo làm ăn, mà thường xuyên chơi cờ bạc, nhiều lần đổ nợ, có lần chủ nợ đến đòi nợ, không gặp

anh T thì đánh luôn chị, chị phải bán xe máy trả nợ, anh T đi Casino có khi đi từ 03 đến 06 tháng mới về, chị có khuyên can nhưng anh T không thay đổi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, tháng 9 năm 2018 anh T bỏ đi Casino, đến tháng 10-2018 chị bỏ đi thuê nhà trọ ở riêng, vợ chồng ly thân từ tháng 9-2018 đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên chị xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Nguyễn C T', sinh ngày 17-02-2010 hiện chị đang nuôi. Nay chị yêu cầu nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, chị không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Nguyễn C T: Tòa án đã xác minh, niêm yết các văn bản tố tụng để triệu tập anh T đến Tòa án làm việc theo quy định của pháp luật đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, ngày 10-01-2019 Tòa án đến nhà lặp biên bản lấy lời khai, anh T trình bày ý kiến, yêu cầu của anh là: anh và Nguyễn Thị B Tr chung sống với nhau vào khoản năm 2009, có đăng ký kết hôn, vợ chồng sống đến năm 2013 xảy ra mâu thuẫn, anh có năn nỉ vợ và vợ chồng về chung sống trở lại, cách khoảng ba tháng nay vợ chồng xảy ra mâu thuẫn vợ bỏ đi thuê nhà trọ ở riêng và nộp đơn ly hôn, theo anh là do anh thất nghiệp, không có tiền nên vợ mới bỏ đi, anh có năn nỉ nhưng vợ không đồng ý, nên từ khi vợ bỏ di thì anh không gặp vợ để bàn việc đoàn tụ lại. Nay vợ xin ly hôn hay muốn làm gì thì làm, anh không có ý kiến.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn C T', sinh ngày 17-02-2010 hiện vợ đang nuôi. Nay vợ yêu cầu nuôi con thì anh đồng ý, anh không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, anh không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, anh không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án , Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng là chị Tr, anh Tâm đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tr đối với anh T; về con chung: Giao chị Tr tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục cháu T', ghi nhận chị Tr không yêu cầu cấp dưỡng; về tài sản chung: Chị Tr và anh T khai không có, không yêu cầu giải quyết; về nợ chung: Chị Tr, anh T khai không có nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn C T vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nên tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị B Tr và anh Nguyễn C T là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, theo chị Tr thì do anh T không lo làm ăn, mà thường xuyên chơi cờ bạc, nhiều lần đổ nợ, có lần chủ nợ đến đòi nợ, không gặp anh T thì đánh chị luôn, chị phải bán xe máy trả nợ, anh T đi Casino có khi đi từ 03 đến 06 tháng mới về, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, nên chị bỏ đi thuê nhà trọ ở, vợ chồng ly thân từ tháng 8 năm 2018.

Còn anh T, mặc dù đã được Tòa án triệu tập để thu thập chứng cứ, tiếp cận công khai chứng cứ, tham gia hòa giải và xét xử nhưng anh T vẫn vắng mặt. Tòa án đến nhà làm việc thì anh cung cấp thông tin như sau: Năm 2013 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh có năn nỉ vợ thì vợ chồng về chung sống trở lại, cách khoảng ba tháng nay vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, thì bỏ đi thuê nhà trọ ở riêng và nộp đơn ly hôn. Theo anh là do anh thất nghiệp, không có tiền nên vợ mới bỏ đi, anh có năn nỉ nhưng vợ không đồng ý, nên từ khi vợ bỏ đi thì anh không gặp vợ để bàn việc đoàn tụ lại. Nay vợ xin ly hôn hay muốn làm gì thì thì làm.

Xét thấy, mâu thuẫn của hai anh chị xảy ra từ đầu năm 2018, anh T thường xuyên bỏ nhà đi, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, đến tháng 9-2018 anh T bỏ đi, tháng 10-2018 chị Tr bỏ nhà đi thuê nhà trọ ở riêng, vợ chồng ly thân đến nay, thời gian này cả hai anh chị không bàn việc đoàn tụ vợ chồng, chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được, không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, mà để cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tr là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị Tr và anh T khai có 01 con chung tên Nguyễn C T', sinh ngày 17-02-2010 hiện chị Tr đang nuôi. Nay chị Tr yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Anh T đồng ý giao con cho vợ nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con. Cháu T' có nguyện vọng muốn được sống cùng mẹ. Xét thấy yêu cầu của anh chị là tự nguyện phù hợp với nguyện vọng của cháu T' và phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên ghi nhận.

[4] *Về tài sản chung* và *về nợ chung* Chị Tr và anh T khai không có, không yêu cầu, nên không giải quyết.

[5] *Về án phí sơ thẩm ly hôn*: Chị Tr phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 227 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81 và 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu tranh chấp ly hôn của chị Nguyễn Thị B Tr đối với anh Nguyễn C T. Chị Tr được ly hôn với anh T.

2. *Về con chung*: Giao chị Tr tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn C T', sinh ngày 17-02-2010. Ghi nhận chị Tr không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung và về nợ chung:* Chị Tr và anh T khai không có, không yêu cầu, nên không giải quyết.

4. *Về án phí sơ thẩm ly hôn*: Chị Tr chịu 300.000 đồng. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị Tr đã nộp theo Biên lai thu số 0008430 ngày 11-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GD. Chị Tr đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Tr có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện GD;
- Chi cục THADS huyện GD;
- UBND xã BĐ;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị An

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁM- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Kim Thành **Trần Thị Thúy** **Nguyễn Thị An**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁM- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thản Trần Thị Đào Nguyễn Thị An